

Phụ lục II

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
I	<u>SỐ THU CHI: LỆ PHÍ, PHÍ</u>	15.584	15.584	620	1.210	22	-	13.732	-	
1	Số thu phí, lệ phí	15.584	15.584	620	1.210	22	-	13.732	-	
1.1	<i>Lệ phí</i>	1.140	1.140	440	-	-	-	700	-	
a	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	380	380	380						
b	Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển	60	60	60						
c	Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSH nhà ở	700	700					700		
1.2	<i>Phí</i>	14.444	14.444	180	1.210	22	-	13.032	-	
a	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	80	80	80						
b	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	100	100	100						
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	300	300		300					
d	Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	600	600		600					
e	Phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định	300	300		300					
g	Phí thăm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	10	10		10					
h	Phí thăm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	22	22			22				
i	Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	9.500	9.500					9.500		
k	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	3.200	3.200					3.200		
m	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	300	300					300		
l	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	30	30					30		
o	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	2	2					2		
2	Số phí đơn vị được sử dụng	12.718	12.718	150	954	15	-	11.599	-	
2.1	<i>Chi quản lý hành chính</i>	1.119	1.119	150	954	15	-	-	-	
2.1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.119	1.119	150	954	15				

TT	NỘI DUNG	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
a	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	80	80	80						
b	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	70	70	70						
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	75	75		75					
d	Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	600	600		600					
e	Phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định	270	270		270					
g	Phí thăm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	9	9		9					
h	Phí thăm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	15	15			15				
2.1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
2.2	Chi sự nghiệp kinh tế	11.599	11.599	-	-	-	-	11.599	-	
2.2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.599	11.599					11.599		
<i>a</i>	<i>Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i>	<i>8.550</i>	<i>8.550</i>					<i>8.550</i>		
<i>b</i>	<i>Phí đăng ký giao dịch bảo đảm</i>	<i>2.880</i>	<i>2.880</i>					<i>2.880</i>		
<i>c</i>	<i>Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai</i>	<i>150</i>	<i>150</i>					<i>150</i>		
<i>d</i>	<i>Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ</i>	<i>18</i>	<i>18</i>					<i>18</i>		
<i>e</i>	<i>Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</i>	<i>1</i>	<i>1</i>					<i>1</i>		
2.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-							
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	2.866	2.866	470	256	7	-	2.133	-	
3.1	Lệ phí	1.140	1.140	440	-	-	-	700	-	
a	Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản	380	380	380						
b	Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển	60	60	60						
c	Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSH nhà ở	700	700					700		
3.2	Phí	1.726	1.726	30	256	7	-	1.433	-	
a	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	-	-	-						
b	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	30	30	30						
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	225	225		225					
d	Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	-	-		-					
e	Phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định	30	30		30					
g	Phí thăm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	1	1		1					
h	Phí thăm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	7	7			7				

TT	NỘI DUNG	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
i	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	950	950					950		
k	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	320	320					320		
m	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	150	150					150		
l	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	12	12					12		
o	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1	1					1		
II	<u>CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u> (số đơn vị được sử dụng)	39.313	39.313	12.456	4.339	7.651	7.265	1.273	6.329	
1	Chi hành chính nhà nước	17.676	17.460	10.273	3.008	4.179	-	-	-	
1.1	Dự toán phân bổ kỳ này	17.160	17.160	10.046	3.008	4.106	-	-	-	
1.1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.456	15.456	8.677	2.918	3.861	-	-	-	
	- Quản lý nhà nước. Trong đó:	15.456	15.456	8.677	2.918	3.861	-	-	-	
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với biên chế được giao	12.360	12.360	7.129	2.198	3.033				
	+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện công việc thừa hành, phục vụ	792	792	360	180	252				
	+ Kinh phí hoạt động	2.304	2.304	1.188	540	576				
	Trong đó: Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (1)	231	231	119	54	58				
1.1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.704	1.704	1.369	90	245	-	-	-	
	- Chi hoạt động của tổ chức cơ sở đảng	67	67	67						
	- Tổ chức đại hội Chi, Đảng bộ	114	114	114						
	- Trang phục thanh tra	53	53	53						
	- Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ tiếp công dân, xử lý đơn thư	13	13	13						
	- Kinh phí bồi dưỡng cho các đối tượng được mời, triệu tập phối hợp tham gia tiếp công dân xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo	27	27	27						
	- Nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra và các nhiệm vụ khác được UBND tỉnh giao	264	264	264						
	- Hội đồng thẩm định khoáng sản	114	114	114						
	- Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản	170	170	170						
	- Tuyên truyền phổ biến Luật Khoáng sản (sửa đổi)	27	27	27						

TT	NỘI DUNG	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	- Tuyên truyền về tài nguyên nước và khí tượng thủy văn	111	111	111						
	- Tuyên truyền về biển và hải đảo	288	288	288						
	- Kinh phí tổ chức kỷ niệm 80 năm ngày thành lập, ngày truyền thống	121	121	121						
	- Nghiệp vụ kiểm tra, khảo sát, làm việc với các địa phương, đơn vị về công tác bảo vệ môi trường	90	90	-	90					
	- Nghiệp vụ giao đất, cho thuê đất và các nhiệm vụ khác được UBND tỉnh giao	90	90	-		90				
	- Xác định giá đất cụ thể	155	155	-		155				
1.2	Dự toán còn lại chưa phân bổ (2)	300	300	227	-	73	-	-	-	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	300	300	227	-	73	-	-	-	
	- Sửa chữa xe ô tô	76	76	76						
	- KP Chi khởi tạo phần mềm kế toán HCSN MISA online, gia hạn các phần mềm của Công ty MISA (Phần mềm quản lý ngân sách MISA BUMAS đơn vị trực thuộc và đơn vị chủ quản, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quyết toán tài chính MISA Lekima)	24	24	24						
	- Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	200	200	127		73				
2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	9.406	8.119	-	854	-	7.265	-	-	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.119	8.119	-	854	-	7.265	-	-	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.036	1.036	-	-	-	1.036	-	-	
	+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ (Bao gồm: Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với biên chế được giao; Kinh phí chi hoạt động)	1.036	1.036	-	-	-	1.036	-	-	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (1)	20	20				20			
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.083	7.083	-	854	-	6.229	-	-	
	+ Nghiệp vụ bảo vệ môi trường và giám sát môi trường, đa dạng sinh học. Trong đó:	7.083	7.083		854	-	6.229			

TT	NỘI DUNG	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	* Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông về môi trường	270	270	-	270	-				
	* Tổ chức các lớp tập huấn về BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học và nông thôn mới	72	72		72					
	* Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất	107	107		107					
	* Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt	405	405		405					
	* Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định năm 2024	24	24				24			
	* Điều tra, thu thập số liệu phục vụ lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định 2025	47	47				47			
	* Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định	585	585				585			
	* Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định	1.620	1.620				1.620			
	* Lấy mẫu phục vụ kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất	118	118				118			
	* Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	315	315				315			
	* Duy trì và vận hành hệ thống các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh	3.520	3.520				3.520			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Sự nghiệp kinh tế	14.838	13.164	2.122	-	3.440	-	1.273	6.329	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.164	13.164	2.122	-	3.440	-	1.273	6.329	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.467	3.467	-	-	-	-	-	3.467	
	+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ (Bao gồm: Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với biên chế được giao; Kinh phí chi hoạt động)	3.467	3.467	-	-	-	-	-	3.467	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (1)	58	58	-					58	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.697	9.697	2.122	-	3.440	-	1.273	2.862	-
	+ Nhiệm vụ Kiểm kê nguồn nước mặt nội tỉnh giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	963	963	963						

TT	NỘI DUNG	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	+ Nhiệm vụ Xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí chưa được quy định trong Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh	1.159	1.159	1.159						
	+ Thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể và xác định chênh lệch tiền sử dụng đất, thuê đất theo quy định	1.620	1.620			1.620				
	+ Nhiệm vụ xây dựng Bảng giá đất lần đầu	1.267	1.267			1.267				
	+ Nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 tỉnh Bình Định	807	807			553		254		
	+ Chi mua phôi giấy chứng nhận phục vụ thu lệ phí	304	304					304		
	+ Hỗ trợ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ thông tin, tư liệu về đất đai; Bảo trì, cập nhật, nhuận bút trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường Trong đó:	715	715	-	-	-	-	715	-	
	* Tiền điện phục vụ hệ thống máy chủ vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường Bình Định	40	40					40		
	* Thuê bao đường truyền	85	85					85		
	* Phòng chống mối mọt, đóng kệ hồ sơ, máy hút ẩm, bìa hồ sơ lưu trữ, hộp đựng hồ sơ lưu trữ, văn phòng phẩm kho lưu trữ	380	380					380		
	* Chi phí bổ sung, nâng cấp thay thế thiết bị cho hệ thống máy chủ	83	83					83		
	* Bảo trì, cập nhật, nâng cấp, nhuận bút trang thông tin điện tử (Website) Sở Tài nguyên và Môi trường	127	127					127		
	+ Phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất	2.762	2.762						2.762	
	* Chi thù lao dịch vụ đấu giá	1.643	1.643						1.643	
	* Chi phí phục vụ công tác đấu giá	175	175						175	
	* Chi phí trích đo thửa đất phục vụ đấu giá	137	137						137	
	* Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	807	807						807	
	+ Nhiệm vụ quy hoạch:	100	100						100	

TT	NỘI DUNG	Tổng số dự toán được giao	Tổng số dự toán đã phân bổ	Trong đó						Ghi chú
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	<i>* Khu chung cư thương mại dọc đường Thanh Niên</i>	100	100						100	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	-	-	-	-	
4	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	97	93	61	-	32	-	-	-	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	93	93	61	-	32	-	-	-	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	93	93	61	-	32	-	-	-	-
	+ <i>Kinh phí tập huấn nghiệp vụ</i>	32	32			32				
	+ <i>Trợ cấp cho công chức được cử đi học</i>	61	61	61		-				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	-	-	-	-	
5	Sử dụng nguồn cách tiền lương năm 2024 dự kiến chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2025 để thực hiện cơ chế tiền lương	427	427	-	427	-	-	-	-	
6	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	50	50	-	50					
	Chi quản lý Chương trình (Nội dung thành phần số 11 (Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình...))	50	50	-	50					